

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ BẤT ĐỘNG SẢN VIỆT HẢI
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2014

Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông!

Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải biển và Bất động sản Việt Hải được bầu tại Đại hội cổ đông thường niên 2011 và bầu bổ sung tại Đại hội cổ đông thường niên 2013 gồm:

- | | |
|-------------------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Thành Đạt | Trưởng ban |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Tú | Thành viên |
| 3. Ông Hoàng Quốc Việt | Thành viên |

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc: Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị Công ty. Ban kiểm soát đã cùng HĐQT xem xét, kiến nghị giải quyết các công việc quan trọng của Công ty.

A. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 2013 tiếp tục là năm cực kỳ khó khăn trong mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Công ty đã có nhiều cố gắng duy trì và theo sát lộ trình cho dự án Mê Linh, chỉ đạo chặt chẽ chi nhánh Hà Nội bám sát các công việc liên quan đến dự án. Bên cạnh đó, mảng là kinh doanh LPG là mũi kinh doanh chiến lược, Ban Tổng giám đốc đã đưa ra những quyết sách về nhân sự và định hướng phù hợp cho hoàn cảnh hiện tại. Đổi mới cách quản lý và thay thế hầu hết nhân sự tại công ty con, chuyển địa điểm kinh doanh về Hải Dương tại trạm chiết, nơi mà hoạt động kinh doanh chính của công ty con để quản lý một cách hiệu quả. Về Kho tồn chứa khí hóa lỏng tại KCN Đình Vũ công ty đã đàm phán thành công với một số đối tác nhằm giúp Việt Hải sửa chữa và hoàn thiện kho để đưa kho vào hoạt động. Hoàn thành xong mọi công tác chuẩn bị sao cho kho đi vào vận hành một cách trơn tru và hiệu quả. Đáp ứng được yêu cầu quy chuẩn an toàn kỹ thuật và quy định của Nhà nước về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng. Dự kiến kho sẽ đi vào hoạt động vào tháng 7 năm 2014. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cùng làm việc đã hiểu và nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của Ban Tổng giám đốc, tuy còn trẻ nhưng quyết tâm và nỗ lực gây dựng lại công ty thoát khỏi vực sâu trong nền kinh tế còn quá nhiều khó khăn là rất đáng trân trọng. Ban Kiểm soát xét thấy đây là sự cố gắng vượt bậc của HĐQT và Ban TGD vẫn duy trì được hoạt động công ty, dần lấy lại niềm tin cho Quý cổ đông trong khi phải gánh các khoản nợ cũ và các hệ lụy quá lớn. Ban kiểm soát đánh giá cao sự nỗ lực của Công ty trong năm qua. Tuy nhiên thời cơ chưa đến, nền kinh tế chưa hồi phục hẳn nên năm qua vẫn còn nhiều bất cập và chưa thành công như mong đợi. Ban kiểm soát hy vọng Quý cổ đông và HĐQT định hướng và hỗ trợ Ban TGD trong thời điểm, thời điểm mà những khó khăn và thách thức còn đang hiện hữu ở phía trước.

B. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Ban kiểm soát đã kiểm tra và xác nhận các nội dung thể hiện trong Dự thảo Báo cáo tài chính là chính xác, cụ thể: 



I/ CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: Đồng Việt Nam)

TÀI SẢN		31/12/2013	01/01/2013
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	336.763.988.781	417.731.248.776
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	62.424.021.686	68.218.364.282
	1. Tiền	62.434.021.686	67.718.364.282
	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
	1. Đầu tư ngắn hạn		
	2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác		
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	239.877.826.558	315.587.141.017
	1. Phải thu của khách hàng	28.482.360.434	33.384.752.527
	2. Trả trước cho người bán	416.221.136.299	434.560.871.905
	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		
	4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng		
	5. Các khoản phải thu khác	13.508.771.749	17.504.142.825
	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(218.334.441.924)	(169.862.626.239)
IV.	Hàng tồn kho	6.577.077.521	6.980.905.708
	1. Hàng tồn kho	6.577.077.521	6.980.905.708
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
V.	Tài sản ngắn hạn khác	27.875.063.016	26.944.837.769
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	290.133.873	539.865.543
	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20.688.893.058	19.812.247.395
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.551.988.116	3.551.988.116
	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		
	5. Tài sản ngắn hạn khác	3.344.047.969	3.404.736.715
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	492.748.318.066	503.672.841.425
I.	Các khoản phải thu dài hạn	29.980.000	29.980.000
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc		
	3. Phải thu dài hạn nội bộ		
	4. Phải thu dài hạn khác	29.980.000	29.980.000
	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-
II.	Tài sản cố định	451.488.536.096	427.106.302.858
	1. Tài sản cố định hữu hình	8.063.864.676	10.085.870.443
	- Nguyên giá	18.161.675.434	19.595.740.568
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(10.097.810.758)	(9.509.870.125)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Nguyên giá		
	- Giá trị hao mòn lũy kế		
	3. Tài sản cố định vô hình	4.526.441.603	4.967.986.062
	- Nguyên giá	10.610.300.000	10.518.300.00

030
C
C
AN T
BATE
VI
14-7

Handwritten signature

		- Giá trị hao mòn lũy kế	(6.083.858.397)	(5.550.313.938)
	4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	438.898.229.817	412.052.446.353
III.	Bất động sản đầu tư			
		- Nguyên giá		
		- Giá trị hao mòn lũy kế		
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.003.046.500	18.349.999.900
	1.	Đầu tư vào công ty con		
	2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
	3.	Đầu tư dài hạn khác	1.696.473.716	19.043.427.116
	4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(693.427.216)	(693.427.216)
V.	Tài sản dài hạn khác		40.226.755.470	58.186.558.667
	1.	Chi phí trả trước dài hạn	40.226.755.470	58.186.558.667
	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
	3.	Tài sản dài hạn khác		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		829.512.306.847	921.404.090.201
	NGUỒN VỐN		31/12/2013	01/01/2013
A.	NỢ PHẢI TRẢ		2.675.618.089.337	2.474.433.596.250
I.	Nợ ngắn hạn		1.158.850.462.027	945.944.382.703
	1.	Vay và nợ ngắn hạn	203.221.069.622	200.281.403.866
	2.	Phải trả cho người bán	142.237.636.813	131.775.392.833
	3.	Người mua trả tiền trước	2.531.562.271	16.550.403.301
	4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.782.878.199	1.689.803.387
	5.	Phải trả người lao động	5.595.059.638	4.489.065.358
	6.	Chi phí phải trả	756.521.779.925	537.565.354.933
	7.	Phải trả nội bộ		
	8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng		
	9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	39.818.473.386	46.450.956.852
	10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		
	11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.142.002.173	7.142.002.173
	12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		
II.	Nợ dài hạn		1.516.767.627.310	1.528.489.213.547
	1.	Phải trả dài hạn người bán		
	2.	Phải trả dài hạn nội bộ		
	3.	Phải trả dài hạn khác	48.955.365.460	48.689.930.094
	4.	Vay và nợ dài hạn	1.467.812.270.850	1.479.799.283.453
	5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
	6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		
	7.	Dự phòng phải trả dài hạn		
	8.	Doanh thu chưa thực hiện		
	9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		(1.846.105.782.490)	(1.553.440.524.220)
I.	Vốn chủ sở hữu		(1.846.105.782.490)	(1.553.440.524.220)
	1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	380.844.890.000	380.844.890.000
	2.	Thặng dư vốn cổ phần	1.045.600.000.000	1.045.600.000.000
	3.	Vốn khác của chủ sở hữu		
	4.	Cổ phiếu quỹ	(155.060.575.521)	(155.060.575.521)

315.
NG
PH
AI BI
ÔNG
T H
PH

Handwritten signature

	5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		1.186.797.150
	7.	Quỹ đầu tư phát triển	31.380.796.407	31.380.796.407
	8.	Quỹ dự phòng tài chính		
	9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
	10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.148.870.893.376)	(2.857.392.432.256)
	11.	Nguồn vốn đầu tư XDCB		
	12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác			
	1.	Nguồn kinh phí		
	2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
C.	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			411.018.172
	1.	Lợi ích của cổ đông thiểu số		411.018.172
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		829.512.306.846	921.404.090.201

II/ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH Đơn vị tính: Đồng Việt Nam)

CHỈ TIÊU		Năm 2013	Năm 2012
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.924.016.326	228.079.152.132
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		3.829.047.593
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.924.016.326	224.250.104.539
4.	Giá vốn hàng bán	104.697.941.718	413.680.678.945
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(13.773.925.392)	(189.430.574.406)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	6.414.010.197	1.511.128.324
7.	Chi phí tài chính	216.576.750.386	447.667.105.339
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>198.349.547.593</i>	<i>338.832.370.600</i>
8.	Chi phí bán hàng	5.890.432.390	22.632.683.832
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.800.016.328	241.722.421.714
10.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(289.627.114.299)	(872.991.656.967)
11.	Thu nhập khác	1.620.049.967	423.475.241.087
12.	Chi phí khác	5.461.579.507	1.585.134.781.213
13.	Lợi nhuận khác	(3.841.709.540)	(1.161.659.540.126)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(293.468.823.839)	(2.034.651.197.093)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành		
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		3.396.744.883
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(293.468.823.839)	(2.038.047.941.976)
	Lợi ích của cổ đông thiểu số		(1.278.541.828)
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(293.468.823.839)	(2.036.769.400.147)
18.	Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(8.916)	(61.878)

C. KIẾN NGHỊ

Mọi sự khó khăn vẫn đang ở phía trước. Tuy nhiên sự đồng lòng và quyết tâm sẽ mang lại niềm tin và thắng lợi cho công ty, rất mong ban lãnh đạo và cán bộ, công nhân viên toàn công ty hết sức nỗ lực, gắn bó và đồng tâm quyết duy trì hoạt động của công ty với hy vọng có chuyển biến tích cực trong tương lai đáp ứng được kỳ vọng của tất cả các cổ đông.

Chúc Đại hội thành công.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2014

THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN THÀNH ĐẠT

